



BIÊN BẢN HỘI THẢO

Bảo vệ môi trường trong hệ thống các khu công nghiệp ở Việt Nam: Các lỗ hổng chính sách, vấn đề minh bạch thông tin và tác động đối với cộng đồng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2013

Mục lục

Mục lục	2
1.Giới thiệu	3
2.Thời gian và địa điểm	4
3. Thành phần tham dự.....	4
4.Nội dung	4
Những nét lớn về phát triển các khu công nghiệp Việt Nam - GS. Võ Thanh Thu	4
Thực trạng ô nhiễm môi trường ở các dự án công nghiệp và tác động đối với cộng đồng qua góc nhìn báo chí - Ông Hoàng Văn Chiên	6
Các kết quả, hạn chế chính của Đánh giá Môi trường Chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và kiến nghị tiếp tục bổ sung chỉnh sửa các nội dung này trong dự thảo Luật BVMT sửa đổi – ThS. Phạm Anh Đức.	7
Các thách thức trong công tác tư pháp môi trường ở Việt Nam và kiến nghị - Luật sư Nguyễn Văn Hậu	8
Thảo luận phiên buổi sáng	9
Các lỗ hổng chính sách trong việc thực hiện ĐMC – ĐTM.	12
Kinh nghiệm quốc tế trong quản lý môi trường các khu công nghiệp và các gợi ý cho Việt Nam - TS. Nguyễn Bình Giang	13
Thảo luận phiên buổi chiều	14
Vai trò của minh bạch thông tin và sự tham gia của cộng đồng trong công tác BVMT – Bà Trần Thanh Thủy	15
Các khó khăn và bài học kinh nghiệm trong điều tra báo chí về chủ đề BVMT và ĐTM các dự án phát triển, Nhà báo Trần Trung Thanh	16
Thảo luận báo chí.....	16
PHỤ LỤC A: Chương trình hội thảo.....	18
PHỤ LỤC B: Danh sách đại biểu tham dự.....	19

1. Giới thiệu

Đổi mới năm 1986 đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bùng nổ của các ngành kinh tế. Trong đó, công nghiệp chế biến là lĩnh vực đã đạt được mức tăng trưởng ấn tượng và có những đóng góp rất tích cực cho kinh tế xã hội trong hai thập kỷ qua. Theo số liệu thống kê năm 2012, công nghiệp chế biến đóng góp 17,39% tổng GDP quốc gia. Để phục vụ hoạt động sản xuất, số lượng các khu công nghiệp (KCN) gia tăng nhanh chóng. Tính đến cuối năm 2012, cả nước có 289 KCN do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập. Ngoài ra, các cụm công nghiệp (CCN) cũng được hình thành theo cấp số nhân, đến cuối năm 2012 cả nước đã có 878 CCN.

Có thể nói, việc thành lập các KCN-CCN là xu hướng tất yếu để quản lý tập trung hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, công tác quy hoạch và quản lý các KCN - CCN ở Việt Nam còn nhiều bất cập. Theo một nghiên cứu gần đây, có một số nhóm lợi ích gắn liền với sự phát triển của các KCN – CCN gồm chính quyền các cấp, nhà đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, doanh nghiệp thuê đất, người lao động và người dân. Những nhóm lợi ích trên có những mối quan tâm khác nhau liên quan đến KCN-CCN. Điều này gây ra những khó khăn nhất định trong công tác quản lý và đôi khi dẫn đến những xung đột. Ngoài ra, hiện nay việc phân quyền quản lý cho các bên liên quan chưa thực sự rõ ràng; dẫn đến sự chùng chေo, những lỗ hổng cũng như khó khăn trong công tác quản lý, đặc biệt trong công tác bảo vệ môi trường các KCN.

Một phần do những lý do trên, trong những năm qua, có quá nhiều các KCN-CCN đã được thành lập mặc dù tỷ lệ điền đầy trong các khu đang hoạt động còn khá thấp. Thực trạng này không chỉ gây lãng phí đất đai mà còn tạo ra các hệ lụy cho sinh kế người dân. Bên cạnh đó, công tác BVMT đối với các KCN-CCN còn rất lỏng lẻo. Trên thực tế, ô nhiễm môi trường tại các KCN-CCN diễn ra khá phổ biến và hết sức nghiêm trọng ở nhiều nơi, gây ảnh hưởng nặng nề đến sức khỏe cộng đồng và sinh kế của những người dân nghèo trực tiếp phụ thuộc các nguồn tài nguyên như đất và nước. Mặc dù công cụ chính sách Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được ban hành nhằm sàng lọc những dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên thực tế, sau quá trình thẩm định ĐTM, một số dự án đầu tư trong KCN - CCN có trình độ công nghệ lạc hậu vẫn được chấp thuận đưa vào sản xuất, gây ô nhiễm môi trường kéo dài và rất khó giải quyết.

Thực trạng trên đặt ra những câu hỏi về tính hiệu quả của các công cụ quản lý cũng như sự minh bạch trong công tác bảo vệ môi trường. Cộng đồng địa phương là đối tượng ảnh hưởng nặng nề nhất do ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên hiện nay gần như chưa có cơ chế nào cho sự tham gia của cộng đồng trong các dự án trong đầu tư trong KCN. Theo quy định hiện hành, cộng đồng địa phương chỉ được tham vấn trong quá trình thành lập KCN. Và thực tiễn thực hiện tham vấn cũng còn tồn tại nhiều vấn đề. Đối các dự án trong KCN, chủ đầu tư không phải thực hiện tham vấn cộng đồng trong quá trình đánh giá tác động môi trường. Ngoài ra trong trường hợp xảy ra các sự cố môi trường ở giai đoạn hoạt động, cộng đồng dân cư cũng rất khó có thể tiếp cận với các doanh nghiệp đầu tư trong KCN.

Trong thời gian qua, Quỹ Châu Á (TAF), PanNature và VFEJ đã tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ báo chí khai thác chủ đề BVMT và ĐTM, nhằm góp phần tăng cường minh bạch thông tin các

dự án phát triển và đóng góp cho quá trình sửa đổi Luật BVMT 2005. Sau khi hoàn thành một số chuyến điền dã, Trung tâm Con người và Thiên nhiên, Viện Khoa học Môi trường và Phát triển phối hợp cùng các đối tác tổ chức hội thảo “**Bảo vệ môi trường trong hệ thống các khu công nghiệp ở Việt Nam: Các lỗ hổng chính sách, vấn đề minh bạch thông tin và các tác động đối với cộng đồng**” nhằm chia sẻ một số kết quả điền dã báo chí, tạo diễn đàn mở để các bên liên quan cùng thảo luận về các bất cập trong chính sách bảo vệ môi trường nói chung và đánh giá tác động môi trường nói riêng.

2. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: Ngày 27/12/2013.
- Địa điểm: Khách sạn Sen Việt – Sài Gòn, số 33 Cao Thắng, Quận 3, TPHCM

3. Thành phần tham dự

Hội thảo đã thu hút được 86 đại biểu tham gia. Trong đó:

- Đại diện cơ quan quản lý nhà nước: 25 đại diện.
- Đại diện các trường đại học, tổ chức nghiên cứu và xã hội dân sự: 30 đại diện.
- Đại diện cơ quan báo chí: 31 đại diện.

(Danh sách đại biểu được đính kèm trong phụ lục B)

4. Nội dung

Phiên buổi sáng gồm 4 bài thuyết trình và được điều hành bởi ông Trịnh Lê Nguyên – Giám đốc PanNature. Phần dưới đây sẽ tóm tắt các nội dung thuyết trình và thảo luận trong phiên buổi sáng.

Những nét lớn về phát triển các khu công nghiệp Việt Nam - GS. Võ Thanh Thu, Trưởng Đại học Kinh tế TPHCM

GS. Võ Thanh Thu đã vấn tắt trình bày thực trạng phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam và phân tích các bất cập trong công tác quản lý quy hoạch. Theo đó, KCX của đầu tiên của Việt Nam được thành lập từ năm 1991. Sau 23 năm, toàn quốc có 289 KCN và hàng ngàn cụm công nghiệp. Trong những năm qua, các KCN – CCN của Việt Nam đã có những đóng góp tích cực như đã thu hút nhiều dự án FDI, đóng góp cho ngân sách nhà nước và giải quyết công ăn việc làm cho hàng triệu lao động. Nhìn chung, sự ra đời của các KCN – KCX đã góp phần đẩy mạnh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đất nước theo hướng “công nghiệp hóa”. Tuy nhiên công tác quản lý và quy hoạch các KCN – KCX của Việt Nam còn nhiều bất cập. Những tồn tại này làm hạn chế đóng góp tích cực của KCN-KCX đến sự phát triển bền vững kinh tế Việt Nam. Giáo sư Thu đã phân tích 6 tồn tại lớn trong việc phát triển các KCN-KCX ở Việt Nam gồm:

Phát triển các KCN ồ ạt và hiệu quả thấp: Hầu tất cả các tỉnh đều phát triển KCN. Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính – văn hóa của cả nước nhưng cũng đã thành lập tới 19 KCN và

40 CCN. Các tỉnh ĐBSCL cũng có tới 74 KCN và 214 CCN. Tuy nhiên, tỷ lệ điền đầy ở các KCN-CCN rất thấp. Hàng chục ngàn hecta đất đã bị bỏ hoang vì thành lập các KCN, tương ứng với hàng chục ngàn tỷ đồng bị lãng phí. Nhìn chung, Việt Nam thiếu một chiến lược phát triển tổng thể các KCN. Ban chỉ đạo các vùng kinh tế trọng điểm cũng chưa phát huy vai trò điều tiết kinh tế trong vùng, trong đó có phát triển KCN.

Ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: Ví dụ ở ĐBSCL, hiện nay có tới 75% KCN và 85% CCN chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn. Theo ước tính các KCN-CCN ở ĐBSCL đã thải 47 triệu m³ nước thải / năm. Số lượng các nhà máy có vận hành hệ thống xử lý nước thải cũng chỉ chiếm 42%. Điều đáng lo ngại là rất nhiều doanh nghiệp xây dựng hệ thống xử lý để đối phó, không vận hành mà xây dựng các hệ thống ống ngầm để thải trực tiếp nước thải ra sông, gây tác động tiêu cực đến kinh tế xã hội.

Thiếu trầm trọng nguồn nhân lực về cả số lượng và chất lượng: Tuy được xây dựng giữa các khu dân cư, nhiều KCN – CCN không tuyển dụng được đủ lao động. Và nhiều ngành công nghệ cao không thể tuyển dụng được lao động. Những nguyên nhân chính của hiện tượng khó thu hút lao động do đời sống của công nhân không đảm bảo, thường xuyên phải tăng ca trong khi thu nhập thấp và đa số doanh nghiệp chưa quan tâm đến đời sống công nhân, Ngoài ra, luật lao động và luật đình công chưa được hoàn thiện.

Đa số các doanh nghiệp trong KCN thuộc ngành thâm dụng lao động hoặc gây ô nhiễm, ít doanh nghiệp có trình độ công nghệ cao: Theo kết quả khảo sát của Sở KH-CN – TP.HCM ngày 6 tháng 1 năm 2010, số doanh nghiệp đạt trình độ công nghệ ở mức tiên tiến là 1 %, mức khá là 4%, trung bình khá là 8% và trình độ thấp chiếm tới 51%. Nhìn chung, các KCN-CCN mới chỉ tác động đến nền hình thể theo hướng “công nghiệp hóa” chưa tham gia tích cực vào quá trình “hiện đại hóa”.

Hiện tượng quy hoạch “treo” các KCN còn khá phổ biến: Chỉ riêng tại ĐBSCL có tới 100.000 hộ dân bị mất đất cho các KCN – CCN. Đời sống của người dân rất cơ cực vì không còn đất canh tác và cũng không thể tìm việc làm tại chỗ vì các KCN-CCN chưa đi vào hoạt động.

Cơ sở hạ tầng các KCN – CCN còn yếu kém: Nhìn chung, hệ thống giao thông và điện lưới còn khá kém dẫn đến hiện tượng nhiều KCN – CCN bị bỏ không. Riêng ĐBSCL có tới 74 KCN và 214 CCN bỏ hoang, gây lãng phí hàng chục ngàn ha.

Những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng trên gồm:

- Trung ương và địa phương chưa có chiến lược phát triển KCN dẫn đến việc phát triển tùy tiện và ngẫu hứng.
- Chất lượng quy hoạch KCN – CCN còn thấp: Nhiều KCN được quy hoạch gần sông để tiện xả thải và chưa gắn kết với các yếu tố khác như dân cư, lao động, nơi sinh hoạt cho công nhân.
- Hệ thống văn bản pháp luật liên quan như Luật lao động, Luật Môi trường còn nhiều điểm chưa phù hợp.
- Thực chất các công ty phát triển KCN là các công ty kinh doanh bất động sản, có một số hiện tượng như đầu cơ, chuyển nhượng kiếm lời, xẻ đất bán nền gây lãng phí và bức xúc cho người dân bị giải tỏa.
- Cơ chế quản lý môi trường còn chồng chéo, kém hiệu quả

- Chiến lược thu hút đầu tư chưa bài bản và thiếu tầm nhìn.

GS. Võ Thanh Thu cũng đã đề xuất một số giải pháp để phát triển bền vững KCN như sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển KCN theo vùng kinh tế, đảm bảo phát huy thế mạnh đặc thù của từng vùng.
- Hoàn thiện các bộ luật và văn bản pháp quy để tạo hành lang pháp lý cho việc kiểm soát ô nhiễm.
- Xây dựng quy trình thành lập và vận hành KCN
- Hoàn thiện các quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các KCN.
- Thay đổi cơ cấu đầu tư vào các KCN tại các thành phố lớn theo hướng giảm các dự án thâm dụng lao động và gây ô nhiễm môi trường.

Nhìn chung, để các KCN – KCX tác động tích cực tới sự phát triển bền vững kinh tế, cần thực hiện các giải pháp đồng bộ từ Trung ương đến địa phương .

Thực trạng ô nhiễm môi trường ở các dự án công nghiệp và tác động đối với cộng đồng qua góc nhìn báo chí - Ông Hoàng Văn Chiên, PanNature

Ông Hoàng Văn Chiên đã chia sẻ các câu chuyện cụ thể về tình hình phát triển các KCN và tác động môi trường – xã hội tại một số địa phương qua một số chuyến đi đã báo chí. Nhìn chung, việc hình thành các KCN đã góp phần đóng góp tích cực cho kinh tế - xã hội thông qua giải quyết công ăn việc làm cho các lao động và tăng thu ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, nhiều KCN - CCN gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đời sống người dân và lãng phí đất đai.

Lào Cai có KCN Tầng Loỏng với diện tích 1100 ha, được thành lập chủ yếu để chế biến quặng Apatite và đồng. Trong những năm gần đây, một số nhà máy được đầu tư trong KCN để chế biến phospho. Hoạt động chế biến của nhà máy gây ô nhiễm và tiềm ẩn rất nhiều rủi ro do đặc thù dễ cháy của các sản phẩm phospho. Một số chất thải từ nhà máy đã bị bốc cháy tại các con suối gần khu vực nơi sinh sống của 96 hộ dân. Theo ước tính, có khoảng 1000 hộ dân đang sinh sống trong vùng nguy hiểm nhưng không thể di dời do ko có chi phí. Người dân cũng đã phản ánh về các bệnh lạ trong vùng chủ yếu liên quan xương. Trâu bò cũng bị chết nhiều do nước suối ô nhiễm.

Ông Chiên cũng đã chia sẻ thực trạng ở KCN Thụy Vân thuộc tỉnh Phú Thọ. Sau 13 năm hoạt động, KCN vẫn chưa có có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải đã làm suy thoái 20 ha đất nông nghiệp dẫn đến việc người dân không thể canh tác.

Trong KCN Hải Phòng, nhiều nhà máy sản xuất hóa chất được đầu tư xây dựng. Khi nước mưa tràn, đưa hóa chất ra phía Lạch Huyện làm chết tôm cá do người dân đầu tư nuôi trồng. Một số KCN khác bị bỏ hoang do không có nhà đầu tư. Nhiều hộ dân sinh sống xung quanh KCN Tràng Huyện, An Dương đã đầu tư tiền đi học nghề và mua xe tải để phục vụ KCN. Tuy nhiên, sau 5 năm, KCN vẫn chưa đi vào hoạt động.

Các kết quả, hạn chế chính của Đánh giá Môi trường Chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và kiến nghị tiếp tục bổ sung chỉnh sửa các nội dung này trong dự thảo Luật BVMT sửa đổi – ThS. Phạm Anh Đức, Viện Khoa học Môi trường và Phát triển.

Ông Phạm Anh Đức đã phân tích một số bất cập về việc thực hiện ĐMC và ĐTM ở Việt Nam. Theo đó, Luật BVMT được thông qua 2005 và có vai trò quan trọng trong công tác BVMT ở Việt Nam hiện nay. Trong Luật BVMT 2005, ĐMC – ĐTM là những nội dung quan trọng. Năm vừa qua, Viện Khoa học Môi trường và Phát triển đã tổ chức các góp ý cho ĐMC-ĐTM tại Hà Nội, TP.HCM và Đà Nẵng.

Nhận xét về hiện trạng ĐMC, ông Đức cho rằng phần lớn các ĐMC còn hạn chế, mang tính minh họa và thiếu cơ sở lý luận. Các nội dung chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quá rộng, thời gian quá dài và mang tính khái quát là những khó khăn lớn khi thực hiện ĐMC. Báo cáo ĐMC nhìn chung chưa tính toán đầy đủ những tổn thất về môi trường và xã hội và thường không được lập đồng thời với quy hoạch. Tham vấn trong ĐMC còn mang tính hình thức.

Về hiện trạng ĐTM, ông Đức cho rằng ĐTM có hiệu quả cao hơn ĐMC mặc dù còn nhiều ý kiến phê phán. Nhiều báo cáo ĐTM có chất lượng rất thấp. Ví dụ, ĐTM của dự án Đồng Nai 6-6A không đưa ra đầy đủ các dự báo và dự báo ko rõ ràng. Nhìn chung ĐTM được viết theo hướng tạo sự thuận lợi cho chủ đầu tư. ĐTM chủ yếu quan tâm đến ô nhiễm như bao nhiêu chất thải phát sinh. Trong khi đó, vấn đề sinh thái, đa dạng sinh học và văn hóa bản địa lại rất ít được đề cập trong báo cáo ĐTM.

Ông Đức cũng đưa ra một số kiến nghị chỉnh sửa và bổ sung cho Luật BVMT sửa đổi nhằm nâng cao hiệu quả của ĐMC – ĐTM cho dự thảo Luật sửa đổi:

- Sử dụng tham vấn các bên liên quan thay cho “tham vấn cộng đồng”, trong đó phải quy định rõ ràng về việc tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp.
- Tham vấn các bên liên quan, cần làm suốt trong quá trình lập quy hoạch và thực hiện ĐCM. Quy định tương tự như ĐTM.
- Hòa giải việc phân loại dự án với quy định quốc tế.
- Cần quy định chủ dự án đảm bảo thời gian và chi phí cho việc thực hiện ĐTM. Ví dụ, Nhật Bản quy định cần tối thiểu 2 năm để hoàn thành ĐTM.
- Bên cạnh việc sự báo khối lượng chất thải phát sinh, cần yêu cầu đánh giá các tác động của dự án đến môi trường và sinh thái.
- Cần khôi phục quy định về Hậu thẩm sau khi đã thẩm định báo cáo ĐTM.

Ngoài ra, ông Đức đưa ra một số kiến nghị liên quan đến việc nghiên cứu, lập và thẩm định báo cáo ĐMC – ĐTM:

- Chính phủ cần lập hướng dẫn chi tiết về ĐMC – ĐTM. Các quy định hướng dẫn cần được lập dựa trên các quy định quốc tế để đảm bảo sự hài hòa.
- Cần nâng cao năng lực của hội đồng thẩm định, tránh tình trạng ko tập trung vấn đề cốt lõi và đảm bảo chú trọng nhữngng đặc thù của từng loại hình dự án.
- Cần nâng cao năng lực cho những cơ quan thực hiện ĐTM – ĐCM

- Cần có cơ chế đảm bảo sự tham gia thực chất của các bên liên qua, đảm bảo tính minh bạch và sự đồng thuận.
- Cần làm rõ trách nhiệm của từng chủ thể trong công tác bảo vệ môi trường.

Các thách thức trong công tác tư pháp môi trường ở Việt Nam và kiến nghị - Luật sư Nguyễn Văn Hậu, Phó Chủ tịch Hội Luật gia TP.HCM

Ông Hậu đã cung cấp một bức tranh chung về tranh chấp môi trường ở Việt Nam và các rào cản pháp lý. Theo đó, tranh chấp môi trường ở Việt Nam ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, hiện nay có khá nhiều các rào cản về mặt pháp lý trong công tác môi trường. Theo quy định, chủ thể bị xử lý là người xả thải chứ không phải giám đốc. Quy định này là một trong những khó khăn cho công tác tư pháp môi trường. Ông Hậu cũng đã phân tích đến một số vụ tranh chấp môi trường gồm Vedan, Nicotex và Sonadezi.

Đối với vụ Vedan, Bộ Tài nguyên Môi trường đã ra quyết định xử phạt Công ty TNHH Vedan mấy trăm triệu và bắt phục hồi dòng sông Thị Vải. Tuy nhiên, khi yêu cầu cưỡng chế thì UBND tỉnh đồng Nai ko chấp hành. Khi Hội Nông dân khiếu kiện với số tiền yêu cầu bồi thường là 800 tỷ đồng, các cơ quan thẩm quyền đổ trách nhiệm cho nhau. Qua 3 năm đấu tranh, Vedan đã chấp thuận bồi thường 220 tỷ. Tuy nhiên trên thực tế, việc khởi kiện không hề dễ dàng vì quá trình này nhiều thời gian và kinh phí.

Về vụ Nicotex, công ty chôn hóa chất bảo vệ thực vật xuống lòng đất từ rất lâu. Theo khảo sát, từ khi nhà máy hoạt động, tỷ bệnh nhân ung thư tăng đột biến và hiện nay 30 – 40% dân số trong vùng mắc bệnh ung thư. Người dân đề nghị khởi kiện công ty này ra tòa. Để khởi kiện thì phải chứng minh được thiệt hại. Tuy nhiên, việc chứng minh thiệt vô cùng khó khăn. Việc xác định thiệt có thể dựa vào một số cơ quan nghiên cứu như Viện Tài nguyên và Môi trường. Và để đảm bảo tính pháp lý, UBND tỉnh phải có văn bản chỉ định có quan xác định thiệt hại. Tuy nhiên, cơ quan thẩm quyền đã phản hồi bằng sự một im lặng đáng sợ. Ông Hậu nhận định rằng công tác BVMT đồng hành với người dân là vô cùng khó khăn. Ý thực pháp luật BVMT ở Việt Nam rất đáng báo động và các đoàn thể nhận thức được đầy đủ tầm quan trọng của công tác BVMT.

Ông Hậu cũng phân tích các bất cập trong hệ thống pháp luật hiện hành. Theo quy định, Người dân có quyền được kiện. Tuy nhiên, việc kiện tập thể lại không có hiệu lực. Trong vụ Vedan, có tới 836 hộ dân bị ảnh hưởng. Việc 836 hộ dân này đứng ra kiện đơn lẻ sẽ gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự và làm mất nhiều thời gian của các cơ quan thẩm quyền. Một vấn đề khác là thời gian hiệu lực cho các vụ kiện. Thời hạn khởi kiện cho phép tối đa là 2 năm. Do đó, nhiều chủ thể đã cố tình “cò cưa” kéo dài quá trình thương thuyết để hết khoảng thời gian có hiệu lực. Hơn nữa, ảnh hưởng từ ô nhiễm nhiều khi chỉ bộc lộ sau hàng chục năm. Ở Pháp, thời hạn quy định cho các vụ kiện môi trường là 30 năm. Một số quốc gia châu Âu không quy định thời gian cho các vụ kiện môi trường. Ngoài ra, các khả năng tài chính hạn chế từ người dân cũng là một trong những khó khăn lớn trong quá trình khởi kiện. Một bất cập khác là UBND cấp xã có thẩm quyền giải quyết các vụ tranh chấp môi trường. Tuy nhiên, pháp luật lại không quy định rõ thành phần, quy định trình tự và giới hạn xử lý. Khảo sát cho thấy cả 5 xã liên quan đến Nicotex đều không biết về những quy định này. Thỏa thuận bồi thường là cơ chế được các

bên mong đợi. Tuy nhiên pháp luật không quy định rõ về việc xử lý khi một trong các bên không thực hiện đúng thỏa thuận.

Ông Hậu đưa ra một số kiến nghị chính sách như sau:

- Về khởi kiện tập thể: Quốc hội nên xem xét cho phép khởi kiện tập thể cho hành vi ô nhiễm, được đại diện bởi 1 cá nhân hoặc 1 tổ chức như Xã hội dân sự hay Hội nông dân. Nếu không có cơ chế này, vấn đề an ninh dễ bị ảnh hưởng. Thực tế đã thấy hàng ngàn người dân chặn doanh nghiệp, mắc lều hay canh tang vật do bức xúc. Nếu ko tạo điều kiện thuận lợi cho người thiệt hại, Luật BVMT khó có thể được thực hiện hiệu quả. Cơ chế này cũng sẽ góp phần giảm áp lực cho các cơ quan thẩm quyền.
- Về thời hạn khởi kiện: Hành vi ô nhiễm môi trường thường kéo dài, đặc biệt tác động đối với sức khỏe khó được phát hiện trong khoảng 2 - 5 năm. Ở vụ Nicotex, tỷ lệ bệnh nhân ung thư chỉ được phát hiện sau một thời gian tương đối dài. Đồng thời, người dân mất thời gian rất dài để khởi kiện. Bởi vậy, cần kéo dài thời hạn khiếu kiện đối với các vụ xâm hại môi trường.
- Về trách nhiệm xác định thiệt hại: Cần quy định rõ cơ quan nào xác định thiệt hại và cơ quan nào chịu trách nhiệm hỗ trợ người dân Hiện nay, luật không quy định cơ quan nào có trách nhiệm hỗ trợ người dân.
- Về cơ chế hòa giải: Cần quy định cơ chế xử lý khi không thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.
- Về giải quyết tranh chấp: Cần sớm thành lập Tòa án chuyên trách các vấn đề môi trường trực thuộc UBND tỉnh. Ngoài ra, cần đảm bảo tính minh bạch trong các vụ kiện môi trường.

Thảo luận phiên buổi sáng

Ông An Sơn Phòng Quản lý Môi trường – Ban Quản lý các KCN tỉnh Bình Thuận.

Ông Sơn bày tỏ sự đồng tình về các quan điểm trong bài thuyết trình của GS. Thu. Ông Sơn bổ sung thêm một số điểm chính như sau:

Về quy hoạch: Chính phủ quy hoạch các KCN dựa trên đề xuất từ các địa phương. Trên thực tế, nhiều KCN đăng ký một số ngành nghề nhất định nhưng khi đi vào hoạt động lại khó thu hút các ngành đã đăng ký nên đề xuất bổ sung hành nghề. Việc ĐTM được thực hiện cho KCN khi chưa có đầy đủ thông tin chi tiết về các nhà máy đầu tư bên trong dẫn đến nhiều hạn chế. Ngoài ra, việc bổ sung một số ngành nghề may mặc làm số lượng công nhân tăng đột biến so với dự tính ban đầu. Nhìn chung, ĐTM ban đầu chưa phân tích các tác động từ ngành nghề bổ sung.

Về ô nhiễm môi trường: Ô nhiễm không khí và nước ngày càng trầm trọng. Ô nhiễm môi trường cũng liên quan đến vấn đề quy hoạch KCN. Quy hoạch phân vùng không đúng cũng dẫn đến những ô nhiễm đi theo. Đối với một số vùng trũng như Bình Thuận, nước thải rất khó tiêu thoát. Dù tất cả các nhà máy đều đạt tiêu chuẩn, ô nhiễm trong vùng vẫn gia tăng do nước không tiêu thoát. Người dân tại Bình Thuận đã phàn nàn về tình trạng ô nhiễm nhưng khi kiểm tra nhà máy đạt quy chuẩn theo yêu cầu đối với nước thải. Bởi vậy, cần đảm bảo xây dựng quy chuẩn theo vùng.

Ông Nguyễn Hữu Nghĩa, Ban quản lý các Khu công nghiệp, tỉnh Đồng Nai

Đại diện từ BQL – KCN tỉnh Đồng Nai cũng bày tỏ đồng tình với thuyết trình của GS Thu. KCN còn tồn tại nhiều vấn đề tổng thể từ quy hoạch, phát triển kinh tế, môi trường và lao động. Hiện nay, đã có quy hoạch KCN của từng địa phương. Tuy nhiên cần nghiên cứu chiến lược phát triển tổng thể KCN trên cả nước. Cần tính toán các vấn đề như vị trí để thu hút đầu tư, vấn đề xử lý chất thải, cung ứng lao động trong các quy hoạch. Việc bảo vệ môi trường trong các KCN còn nhiều tồn tại. Vấn đề là tầm nhìn quan điểm về BVMT địa phương như thế nào. Nếu chấp nhận đầu tư bằng mọi cách thì đương nhiên gây ô nhiễm môi trường. Bản thân công ty kinh doanh hạ tầng chưa hoàn thành trách nhiệm khi chưa xây hệ thống xử lý chất thải. Vậy câu hỏi đặt ra là tại sao các địa phương cho phép đầu tư các nhà máy khi KCN chưa hoàn thành việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung. Ngoài ra, cần đặt câu hỏi về các công ty nhận xử lý chất thải. Khi hoạt động, nhiều doanh nghiệp sản xuất sẵn sàng bỏ chi phí xử lý nhưng họ không chuyên về xử lý chất thải. Bởi vậy, các chất thải rắn và chất thải nguy hại được chuyển giao cho đơn vị xử lý. Nhưng cần giám sát chặt chẽ hơn việc xử lý chất thải của các đơn vị này. Ngoài ra, cần có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp làm tốt.

Ông Trịnh Lê Nguyên (PanNature): Hiến pháp 2013 đã quy định về cơ chế bồi thường. Hy vọng, các cơ chế này sẽ được thể hiện rõ ràng hơn trong các Luật liên quan như Luật Bảo vệ Môi trường và Luật Hình sự. Tuy nhiên, ý tưởng thành lập Tòa môi trường còn hơi xa thực tế. Hiện nay, Trung Quốc cũng đã thành lập Tòa án Môi trường nhưng mới dừng ở hình thức thử nghiệm.

Ông Bùi Mạnh Hùng, Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Phước

Ông Hùng bày tỏ sự băn khoăn về công tác BVMT ở Việt Nam. Hiện nay, chính sách BVMT chủ yếu do chính phủ xây dựng. Và việc triển khai trên thực tế còn nhiều vấn đề. Tại nhiều nơi, người dân bày tỏ sự bức xúc về ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, khi các cơ quan chức năng kiểm tra thì lại kết luận doanh nghiệp làm đúng quy định và trong giới hạn cho phép. Như vậy, cơ quan ra quyết định chịu trách nhiệm như thế nào về tình trạng này. Ví dụ cụ thể khi khai thác đá, nhà dân bị nứt do hoạt động nổ mìn. Tuy nhiên kết quả kiểm tra của Bộ TNMT lại cho thấy độ rung nằm trong giới hạn cho phép. Cần nghiên cứu hạn chế việc giao cho Chính phủ xây dựng các quy định. Và nếu xây dựng quy định sai thì phải chịu trách nhiệm. Về vấn đề ĐTM, dự án nào cũng làm ĐTM nhưng ô nhiễm môi trường vẫn diễn ra ngày càng trầm trọng. Như vậy, nguyên nhân có thể do nhà máy thực hiện không nghiêm túc, ĐTM không đúng thực tế hoặc cơ quan thẩm quyền không thẩm định tốt. Cần quy định rõ trách nhiệm của cơ quan thẩm định, cơ quan làm ĐTM. Và khi xảy ra sự cố, các cơ quan này cần phải chịu trách nhiệm cùng.

Ông Phạm Anh Đức, Viện Môi trường và Phát triển

Hiện nay, Việt Nam đã quy định những thông số chuẩn cho các Quy chuẩn Môi trường. Vấn đề ở đây là phương pháp lấy mẫu và phân tích. Việc lấy mẫu không đúng thời điểm xả thải sẽ gây sai lệch lớn trong kết quả phân tích. Hiện nay có một số phương pháp phân tích chính xác như

chỉ thị sinh học. Tuy nhiên, phương pháp này mất rất nhiều thời gian và khó có cơ quan lấy mẫu nào có thể áp dụng.

Luật sư Nguyễn Văn Hậu,

Quay lại vấn đề lấy mẫu, cần quy định rõ cơ quan nào có trách nhiệm lấy mẫu và xác định thiệt hại. Hiện nay, thiệt hại mới chủ yếu được xác định dựa trên “bề nổi” như lượng tôm cá bị chết. Những vấn đề khác như thẩm thấu và phát tán vẫn chưa được đánh giá. Các tỉnh có hai cơ quan trực tiếp phụ trách vấn đề liên quan là Sở TNMT và Sở NN & PTNT. Tuy nhiên, Luật không quy định cơ quan nào quan nào xác định thiệt hại. Ngoài ra, cần quy định cơ quan tiếp nhận phản ánh của người dân về các vấn đề môi trường.

Dại diện

Một doanh nghiệp sẽ phải chi trả hàng trăm triệu để xử lý 1000 m³ nước thải / tháng. Như vậy, các tổ chức khoa học công nghệ cần nghiên cứu thêm để giảm chi phí xử lý. Nếu nhiều tổ chức đứng chuyển giao công nghệ xử lý với chi phí thấp, doanh nghiệp chắc chắn sẽ thực hiện. Về ĐTM, hầu hết ĐTM đều được thông qua sau khi ra hội đồng. Đơn vị tư vấn bắt buộc phải bảo vệ chủ đầu tư. Một vấn đề nữa là chủ đầu tư có thực hiện các cam kết trong ĐTM hay không và cơ quan nào chịu trách nhiệm hậu thẩm. Theo quy định của Ngân hàng thế giới, mỗi dự án cần ít nhất 6 tháng để thực hiện ĐTM. Tuy nhiên ở Việt Nam, nhiều địa phương muốn thu hút đầu tư nên thời gian thực hiện ĐTM không đủ đảm bảo.

Ông Trịnh Lê Nguyên: Nhiều doanh nghiệp đầu tư hệ thống xử lý nước thải nhưng chỉ chạy khi có đoàn kiểm tra. Theo quy trình, đoàn thanh tra phải báo trước doanh nghiệp trước khi tiến hành kiểm tra. Bởi vậy, rất khó phát hiện sai phạm với quy trình thanh tra hiện hành.

Ông An Sơn – trưởng phòng MT Ban QL các KCN tỉnh Bình Thuận.

Cần phải nghiên cứu cải cách vấn đề bảo vệ môi trường từ giai đoạn đầu dự án. Hiện nay, chúng ta cấp giấy phép tràn lan, vấn đề ô nhiễm môi trường xử lý sau. ĐTM hiện nay như một tấm vé để cấp giấy chứng nhận đầu tư chứ không phải là cơ sở để thực hiện như nhiều quốc gia khác. Các tỉnh muốn thu hút đầu tư nên coi nhẹ và “linh hoạt” trong quá trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cần phải xem xét vị trí đầu tư có phù hợp với loại hình dự án hay không. Và chủ đầu tư cần phải làm gì để đảm bảo vấn đề môi trường.

Ông Nguyễn Văn Hiếu - Ban Quản lý các Khu công nghiệp, tỉnh Vĩnh Long

Ông Hiếu phát biểu một số quan điểm từ góc độ quản lý nhà nước. Việc phát triển các KCN là đầu vào cho phát triển kinh tế của địa phương. Tuy nhiên vấn đề là thực thi chưa tốt do nhiều nguyên nhân. Cần phải phải có cơ sở khoa học, tính toán phân vùng cho hợp lý đối với quy hoạch KCN. Ông Hiếu cũng nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm của cơ quan nghiên cứu khoa học. Chất lượng quy hoạch sẽ tốt hơn nếu có sự tham gia đầy đủ của giới khoa học thay vì phụ thuộc ý chí chủ quan của các cơ quan quản lý nhà nước.

Về Chính sách pháp luật quản lý nhà nước: Việt Nam mới xây dựng hệ thống chính sách pháp luật sau Hiến pháp 1992. Bởi vậy, kinh nghiệm xây dựng chính sách pháp luật còn hạn chế. Trên thực tế, Việt Nam đã tham khảo các văn bản pháp luật quốc tế. Tuy nhiên, Việt Nam cũng không thể sao chép luật các nước khác vì bối cảnh khác nhau. Bởi vậy, phải chấp nhận sửa đổi trong giai đoạn hiện tại.

Về Quản lý môi trường trong KCN, hiện nay pháp luật không quy định rõ cơ quan nào chịu trách nhiệm chính và cơ quan nào hỗ trợ. Nhiều doanh nghiệp đầu tư trong KCN, phải báo cáo hàng năm cho rất nhiều bên liên quan gồm Sở TNMT, Ban QLKCN, Sở Công thương, Sở Xây Dựng hay Phòng Tài nguyên Môi trường. Nhiều doanh nghiệp không còn thời gian để sản xuất kinh doanh. Hiện nay, Ban Quản lý KCN được giao quyền giám sát nhưng không được giao quyền thanh tra kiểm tra. Thẩm quyền phê duyệt ĐTM lúc giao cho Ban Quản lý KCN lúc không giao. Điều này gây rất nhiều khó khăn cho công tác quản lý và giám sát. Ban Quản lý muốn làm tốt nhưng không có đủ công cụ.

Việc tổ chức thực hiện pháp luật có tốt hay không phụ thuộc rất nhiều vào tâm của người làm quản lý. Nhưng thực tế, đội ngũ công chức thực thi nhiệm vụ còn rất nhiều hạn chế.

Ông Trịnh Lê Nguyên: Việc thực thi chính sách pháp luật còn khá chông chéo. Tuy nhiên gần đây nhà nước mở hơn trong việc xây dựng các văn bản pháp luật. Điều này sẽ góp phần nâng cao chất lượng luật pháp.

Phiên buổi chiều gồm 4 bài tham luận và được điều hành bởi ông Nguyễn Việt Dũng (PanNature) và Hoàng Quốc Dũng (VFEJ).

Các lỗ hổng chính sách trong việc thực hiện ĐMC – ĐTM: TS. Phùng Chí Sỹ, Viên Kỹ thuật Nhiệt đới.

Ông Phùng Chí Sỹ đã phân tích sơ lược về chu trình thực hiện ĐTM. Luật BVMT 1993 yêu cầu thực hiện ĐTM sơ bộ trước khi thực hiện ĐTM chi tiết. Luật BVMT 2005 đã bỏ nội dung thực hiện ĐTM sơ bộ. Và dự thảo Luật BVMT 2013 sửa đổi quay lại chu trình cũ theo quy định trong Luật BVMT 1993. Theo đó, quy trình đang xây dựng gồm có Tiền khả thi, ĐTM sơ bộ, ĐTM chi tiết, thiết kế, xây dựng, triển khai và đánh giá.

Ông Sỹ cũng phân tích các bất cập trong việc thực hiện ĐTM. Theo ông Sỹ, ĐTM nhằm đưa ra các dự báo, nhằm phục vụ quá trình cấp giấy phép. Khi đi vào hoạt động, cần phải sử dụng công cụ khác để quản lý môi trường vì thông tin chưa đủ chi tiết trong giai đoạn lập ĐTM. Tuy nhiên hiện nay ĐTM đã được sử dụng như một công cụ quản lý trong giai đoạn vận hành. Nhiều doanh nghiệp bị phạt do không làm đúng ĐTM. Như vậy, ĐTM đã được gán thêm một chức năng vượt quá so với thế giới.

Ngoài ra, việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt ĐTM còn bất cập. Hiện nay, việc thẩm định được phân quyền cho các địa phương và bộ ngành. Các bộ phê duyệt thẩm định chính dự án

của mình. Hiện tượng này được gọi là “vừa đá bóng vừa thổi còi”. Luật đã từng đề cập đến những hình thức như Dịch vụ thẩm định nhưng thực tế không thể triển khai có vì chi phí thẩm định quá thấp (3 triệu đồng đối với mỗi ĐTM). Ngoài ra, dịch vụ có thể thẩm định có thể tiềm ẩn rủi ro khi nhà nước không chấp nhận.

Một vấn đề khác là, ĐTM chỉ thực hiện cho từng dự án cụ thể, chưa tính toán đề tác động cộng hưởng từ các nhà máy khác. Ví dụ, trong 1 lưu vực sông, 1 - 2 nhà máy giấy hoạt động vẫn đảm bảo mức độ chịu tải của sông. Tuy nhiên, khi 100 nhà máy xây dựng thì sẽ vượt ngưỡng chịu tải. ĐTM chưa tính toán được các yếu tố này. Bởi vậy, cần quan tâm đến Công cụ Đánh giá tác động môi trường tổng hợp, cần đánh giá tác động tích lũy của các dự án trong vùng.

Việc thực hiện Cam kết bảo vệ Môi trường cũng rất khó khăn và mang tính hình thức do không quy định cận dưới (những dự án phải làm Cam kết Bảo vệ Môi trường). Bởi vậy, Luật BVMT 2013 đang xem xét loại bỏ nội dung này.

Về ĐMC: cần quy định rõ việc tham vấn cộng đồng. Ví dụ, dự án đường giao thông Bắc – Nam nếu thực hiện tham vấn theo quy định thì mất hàng năm. Thực tế, nhiều ĐMC không có ý nghĩa và không được dùng để làm quy hoạch. Chi phí quy định cho ĐMC cũng là vấn đề đáng bàn. Có những bộ ngành chỉ dành 90 triệu để thực hiện ĐMC cho chiến lược phát triển kinh tế lưu vực sông, gây ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo.

Kinh nghiệm quốc tế trong quản lý môi trường các khu công nghiệp và các gợi ý cho Việt Nam - TS. Nguyễn Bình Giang, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

Ông Nguyễn Bình Giang phân tích vấn đề BVMT trong hệ thống KCN theo góc nhìn quản lý và kinh tế. Theo đó, vấn đề ô nhiễm bắt nguồn từ các nhà máy trong KCN và từ người dân sinh sống quanh KCN. Khi xem xét vấn đề ô nhiễm KCN, cần phân tích các bên liên quan đến KCN gồm Nhà đầu tư cơ sở hạ tầng, Doanh nghiệp thuê đất, người dân sống xung quanh KCN, người lao động trong KCN và chính quyền. Khi BVMT, doanh nghiệp có thể mất nhiều chi phí hơn. Người lao động qua đó cũng có thể bị ảnh hưởng. Tuy nhiên nếu không đầu tư xử lý môi trường, người dân xung quanh sẽ chịu ảnh hưởng bởi cách ô nhiễm. TS. Giang chia sẻ kinh nghiệm kinh nghiệm quản lý môi trường trong hệ thống các KCN tại hai quốc gia là Trung Quốc và Nhật Bản.

Hiện nay, Trung Quốc đã có tới 7000 KCN (không bao gồm CCN) trong đó 1800 khu do chính quyền cấp tỉnh cấp phép, 5000 khu do chính quyền dưới tỉnh cấp phép, còn lại là Trung ương cấp phép. Nhìn chung, KCN do Trung ương quản lý thường tốt hơn về mặt môi trường. Theo luật của Trung Quốc, ĐTM cần thực hiện trước khi cấp phép. Tuy nhiên thực tế, rất nhiều KCN được cấp phép khi chưa có ĐTM hoặc có ĐTM nhưng không hợp lệ. Các Khu CN thuộc Trung ương quản lý đều có hệ thống xử lý chất thải tập trung nhưng ít khi vận hành. Chế tài xử phạt đối với tội phạm môi trường ở Trung Quốc cũng chưa đủ tính răn đe. Chi phí nộp phạt nhiều khi thấp hơn chi phí xử lý môi trường. Như vậy, câu hỏi đặt ra là Trung Quốc đối phó với tình hình ô nhiễm KCN như thế nào. Các biện pháp được đặt ra là tăng cường về mặt quản lý và nhân sự. Hiện nay, Chính phủ TQ đã khởi đầu chương trình “KCN sinh thái”. Chính phủ tuyên

bổ KCN nào đáp ứng được tiêu chuẩn sẽ cấp chứng nhận “KCN Sinh Thái”. “KCN Sinh Thái” được định nghĩa là KCN trong đó chất thải từ nhà máy này được sử dụng làm nguyên liệu cho nhà máy khác. Như vậy, chất thải phát sinh tổng thể từ KCN sinh thái sẽ ít hơn KCN truyền thống. KCN sinh thái đầu tiên được cấp phép từ năm 2001 như mô hình trình diễn. Về mặt chính sách TQ cũng đưa ra một số văn bản quản lý KCN sinh thái. Trong thời gian đó họ đưa ra những hướng dẫn và tiêu chuẩn tạm thời cho KCN quốc gia như khuyến khích sản xuất carbon thấp. KCN sinh thái được chuyển đổi từ các KCN cũ theo hình thức tự nguyện. Đến cuối năm 2000, nhiều KCN tư nhân cũng chuyển đổi thành KCN sinh thái. Đến 2011, Trung Quốc đã có 60 KCN sinh thái. Ngoài ra TQ cũng khuyến khích phát triển KCN chuyên ngành hoặc KCN cụm liên kết ngành để các nhà máy hỗ trợ lẫn nhau thực hiện 3R.

Về Nhật Bản: Nhật Bản công nghiệp hóa rất nhanh. Và hậu quả là ô nhiễm công nghiệp rất nặng nề. Những năm 1960 – 1970, nhiều thành phố thành phố công nghiệp của Nhật Bản có không khí 7 màu. Tuy nhiên, tình hình đã thay đổi từ năm 1980. Hiện nay, Nhật Bản có nhiều thành phố sạch nhất thế giới, Năm 1970, ngư dân bức xúc do nguồn cá và rong biển bị sụt giảm do ô nhiễm. Quá trình khởi kiện giai đoạn đó cũng chưa đạt được kết quả mong muốn, người dân nhận khi đó thành lập các Hội Môi trường. Kinh nghiệm của Hội là mời các CEO tham gia. Khi nhận thức CEO thay đổi thì môi trường sẽ được cải thiện. Vai trò của các Hội BVMT còn phát huy được khi họ mời thêm được các doanh nghiệp, trường học, chính quyền và người dân cùng bảo vệ môi trường. Nhận thức của doanh nghiệp khi đó cũng thay đổi. Và doanh nghiệp còn nhận được sự hỗ trợ từ các trường đại học trong việc áp dụng quy trình sản xuất tiết kiệm năng lượng. Khủng hoảng năng lượng năm 1973 cũng góp thêm phần thúc đẩy phong trào tiết kiệm năng lượng ở Nhật Bản.

Qua kinh nghiệm từ Trung Quốc và Nhật Bản, TS. Giang cũng đã đưa ra một số gợi ý cho Việt Nam

- Việt Nam nên thiết kế và triển khai KCN Sinh Thái (tham khảo Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan)
- Hướng dẫn và thúc đẩy sự thành lập các Hội Môi trường.

Thảo luận phiên buổi chiều

Ông Hoàng Quốc Dũng (VFEJ):

Câu hỏi cho TS. Phùng Chí Sỹ: Dự án cảng Lạch Huyện được thông qua. Như vậy, đâu là lỗ hổng? Quan điểm về ĐTM dự án cảng Lạch Huyện trong nội bộ Bộ TNMT cũng rất khác nhau trong khi trách nhiệm chính thuộc Bộ?

Ông Phùng Chí Sỹ:

Về dự án Cảng Lạch Huyện: Hội đồng thẩm định rất căng thẳng, khi thông qua còn 20 câu hỏi chưa được trả lời thỏa đáng. Mỗi dự án khi ra đời có nhiều khía cạnh để xem xét. Đối với dự án Lạch Huyện, các vấn đề quan tâm là bồi lắng, sạt lở và giá thành cao. Hội đồng thẩm định

đã họp qua rất nhiều phiên và cuối cùng đã thông qua ĐTM với điều kiện bổ sung chỉnh sửa. Thành viên tham gia Hội đồng cũng cho rằng còn nhiều điểm chưa thỏa đáng. Tuy nhiên, ĐTM dù sao cũng chỉ là công cụ để dự đoán. Với nhiều dự án, người ta thường biện hộ rằng chỉ có thể chờ tương lai để biết đáp án đúng.

Hiện nay, Bộ TNMT không thống nhất được các văn bản và thủ tục vì phải quản lý rất nhiều thứ. Nước được quản lý theo Luật Tài nguyên Nước, khoáng sản được quản lý theo Luật Khoáng sản, đất đai được quản lý theo Luật Đất đai. Các bộ ngành thường muốn tự tạo ra quyền lực cho mình thông qua ban hành các Luật. Do đó, rất nhiều công cụ được đưa ra để quản lý, dẫn đến chòng chéo và mâu thuẫn. Quá trình thực thi cũng nảy sinh nhiều bất cập do các Luật không thống nhất và nhất quán. Bởi vậy, vấn đề xử phạt đôi khi phụ thuộc cảm tính của người thực thi. Hiện có rất nhiều vấn đề Bộ TNMT muốn giải quyết nhưng không giải quyết được.

Ông Hoàng Quốc Dũng – VFEJ

Ông Dũng đã có 2 câu hỏi dành cho TS. Giannng

1/ Mô hình khu công nghiệp sinh thái nếu áp dụng ở Việt Nam sẽ có những hạn chế và thuận lợi như thế nào? Nơi nào có thể áp dụng được?

2/ Trường hợp ở Nhật Bản: Ông nghĩ thế nào nếu như ở Việt Nam cũng thúc đẩy một mô hình các hội bảo vệ MT như Nhật Bản?

TS. Nguyễn Bình Giang

Các khó khăn là tỷ lệ lấp đầy trong KCN Sinh thái khá thấp. Đối với Việt Nam, ngành công nghiệp phụ trợ chưa thực sự phát triển nên khá khó khăn để các doanh nghiệp trở thành mạng lưới hỗ trợ nhau trong việc thực hiện 3R. Tuy nhiên, không nhất thiết các nhà máy trong KCN phải liên kết với nhau mà có thể liên kết các cụm, các khu với nhau. Cơ sở hạ tầng hiện nay cũng đã cho phép vận chuyển dễ dàng. Thuận lợi đối với Việt Nam là mỗi tỉnh lại có BQL KCN. Đây là cơ chế tốt để kết nối các nhà máy với nhau.

Vai trò của minh bạch thông tin và sự tham gia của cộng đồng trong công tác BVMT – Bà Trần Thanh Thủy, PanNature

Bà Trần Thanh Thủy đã phân tích vai trò của minh bạch thông tin và sự tham gia của cộng đồng trong công tác BVMT. Theo đó, Việt Nam đã bắt đầu dành nhiều nỗ lực cho BVMT từ năm 1990. Tuy nhiên, ô nhiễm môi trường ở Việt Nam vẫn đang là vấn đề nóng, gây bức xúc tại nhiều nơi. Bên cạnh các nguyên nhân như tốc độ gia tăng dân số và công nghiệp hóa nhanh, hệ thống chính sách bất cập, lực lượng thanh tra giám sát còn yếu kém, bà Thủy cũng đã đề cập đến nguy cơ tham nhũng trong công tác Bảo vệ môi trường.

Bà Thủy trình bày một số kết quả đánh giá về tham nhũng môi trường tại một số quốc gia. Theo đó, môi trường là một trong những ngành có nguy cơ tham nhũng cao ở các quốc gia được khảo sát. Tuy chưa có đánh giá cụ thể ở Việt Nam, Việt Nam phân tích một số rủi ro tham

những trong bảo vệ môi trường qua một số đánh giá quốc tế. Và tham nhũng được coi là một trong những nguyên nhân khiến hệ thống chính sách BVMT chưa đạt được những hiệu quả như mong muốn.

Minh bạch thông tin là một trong những giải pháp hữu hiệu để kiểm soát và giảm thiểu tham nhũng môi trường. Tuy nhiên, nhìn lại hệ thống pháp luật ở Việt Nam, việc tham vấn cộng đồng còn nặng tính hình thức và thông tin BVMT mới chủ yếu được chia sẻ giữa các cơ quan quản lý. Do việc chia sẻ thông tin còn hạn chế, Việt Nam chưa huy động được những nguồn lực đầy tiềm năng từ cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường.

Sau các phân tích, bà Thủy đưa một số kiến nghị sửa đổi Luật BVMT 2013 như sau:

- Cải thiện quy trình tham vấn, tham khảo các nguyên tắc Đồng thuận tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC) cho một số loại hình dự án tiềm ẩn nhiều rủi ro môi trường – xã hội như khai khoáng và thủy điện.
- Đảm bảo sự tham gia của Xã hội dân sự trong quá trình thẩm định báo cáo ĐTM đối với một số loại hình dự án.
- Lập website công khai các báo cáo ĐTM, các thông tin về môi trường, các vụ vi phạm môi trường và quá trình xử lý vi phạm.
- Tạo cơ chế mở cho người dân phản hồi về các vụ việc vi phạm môi trường ở địa phương.
- Cải thiện quy trình khiếu kiện và xử phạt vi phạm môi trường.

Các khó khăn và bài học kinh nghiệm trong điều tra báo chí về chủ đề BVMT và ĐTM các dự án phát triển, Nhà báo Trần Trung Thanh – Báo Pháp luật TP.HCM

Ông Trần Trung Thanh đã chia sẻ những khó khăn trong quá trình tác nghiệp. Qua đó, việc thực hiện điều tra môi trường là rất khó khăn. Nhiều trường hợp, hình ảnh không được coi là bằng chứng mà cần có sự vào cuộc của cơ quan chức năng. Và việc đột nhập vào các nhà máy để lấy bằng chứng rất khó. Cần phải dựa vào những người công nhân trong nhà máy để hỗ trợ quá trình điều tra.

Ngoài ra, ông Thanh cũng chia sẻ về vai trò của các chuyên gia trong quá trình điều tra báo chí. Chuyên gia có thể hỗ trợ nhà báo rất nhiều ở khía cạnh tài liệu, chuyên môn và kỹ thuật. Dự án đồng nai 6 – 6A bị loại bỏ một phần nhờ đóng góp của các nhà khoa học. Việc dựa vào “tay trong” (những người làm việc trong nhà nước nhưng có tâm huyết trong việc phản ánh các tiêu cực) trong quá trình điều tra báo chí là rất cần thiết.

Thảo luận báo chí

Bà Lê Tâm Trang – Báo Bình Dương: Viết báo mảng môi trường tương đối dễ nhưng quá trình tác nghiệp lại rất khó khăn vì nhà báo thường xuyên gặp cản trở từ cơ quan chức năng. Doanh nghiệp thường cản trở hoặc lôi kéo nhà báo. Vì vậy, tâm nghề nghiệp là vấn đề quan trọng nhất đối với nhà báo môi trường. Ngoài ra, nhà báo khi tiếp cận thông tin cần phải kiểm tra nhiều nguồn khác nhau.

Ông Hoàng Quốc Dũng: Luật sư Nguyễn Văn Hậu đưa thông tin là 30% dân số bị ung thư khi nhà máy Nicotex đi vào hoạt động và báo Lao động cũng đưa con số này. Đây là chứng cứ cho rằng 30% ca ung thư do thuốc trừ sâu.

Nhà báo Phan Kim Sơn (SGTT): Quan hệ nhân quả của câu chuyện rõ ràng về con số 30% ung thư? Số liệu này có khoa học không? Hay mang tính cảm tính. Câu chuyện khó nhất là đánh giá sức khỏe người dân, chứng minh mối quan hệ nhân quả rất khó khăn. Bởi vậy báo chí ko thể dựa vào một nguồn tin và phải đi đến tận cùng của vấn đề, đảm bảo khoa học, tìm đầy đủ bằng chứng .

Ông Hoàng Quốc Dũng: Báo cáo của Phòng chí sỹ: DTM chỉ là để thông qua giấy phép đầu tư. Tuy nhiên cũng có ý kiến hoàn toàn trái ngược ngay trong ngành TNMT. Bởi vậy thông tin phải đa chiều. Các góc tiếp cận tốt đến môi trường là sức khỏe và kinh tế nhưng ít người đề cập.

Nhà báo Trung Thanh: Chia sẻ của anh Sơn là xác đáng. Tuy nhiên, cần ghi nhận công sức của người dân và sự hỗ trợ của các bên. Có vụ việc được phát hiện sớm có vụ việc phát hiện muộn nhưng dù sao cũng phản ánh được. Ngoài ra, đã đề cập trong bài trình bày, là hình ảnh chưa phải là bằng chứng vì mới chỉ nhìn thấy hiện tượng không thể kết luận mức độ ô nhiễm. Tiếp cận thông tin và xâm nhập nhà máy để điều tra mới dám kết luận. Nhà báo môi trường phải cực kỳ cân nhắc thông tin.

Mô hình “tay trong” và “người dân” là rất tốt. Tuy nhiên khi không có thì nhà báo là gì? Vấn đề là phải xử lý thông tin cho độc giả đọc. Bởi vậy khi cung cấp thông tin cho nhà báo thì ko nên khẳng định và chỉ thêm các nguồn cho nhà báo

Bà Nguyễn Thị Toan: Phần anh Thanh chia sẻ ko phải công thức mà chỉ là một sơ đồ. Có thể thay đổi sơ đồ. Truyền thông tốt thì rất tốt. Khi truyền thông sai thì hậu quả rất lớn. Cần kiểm chứng thông tin và trích các nguồn thông tin.

Ông Hoàng Quốc Dũng – Kết thúc phần thảo luận báo chí

Ông Nguyễn Vũ Khải, VESDEC tuyên bố bế mạc hội thảo

PHỤ LỤC A: Chương trình hội thảo

8.30 – 8.45	Giới thiệu và khai mạc hội thảo – Ông Nguyễn Vũ Khải, Vesdec
8.45 – 9.15	Tình hình thành lập các khu công nghiệp ở Việt Nam: Các bất cập trong công tác quy hoạch và chính sách quản lý - GS. Võ Thanh Thu, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
9.15 – 9.45	Thực trạng ô nhiễm môi trường ở các dự án công nghiệp và tác động đối với cộng đồng (chia sẻ từ các chuyến điền dã báo chí tại Đông Bắc Bộ và Đông Nam Bộ) - Ông Hoàng Văn Chiên, PanNature
9.45 – 10.00	Hỏi - đáp
10.00 – 10.15	Nghỉ giữa giờ
10.15 – 10.35	Các kết quả, hạn chế chính của Đánh giá Môi trường Chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và kiến nghị tiếp tục bổ sung chỉnh sửa các nội dung này trong dự thảo Luật BVMT sửa đổi (2013) – PGS.TS. Lê Trình và ThS. Phạm Anh Đức, Viện Khoa học Môi trường và Phát triển.
10.35 – 10.55	Các thách thức trong công tác tư pháp môi trường ở Việt Nam và kiến nghị - Luật sư Nguyễn Văn Hậu, Phó Chủ tịch Hội Luật gia TP.HCM
10.55 – 12.00	Thảo luận: BVMT trong hệ thống các KCN-CCN ở Việt Nam.
12.00 – 13.30	Nghỉ ăn trưa
13.30 – 13.45	Tóm tắt kết quả thảo luận phiên buổi sáng
13.45 – 14.05	Các lỗ hổng chính sách và bất cập trong việc thực hiện ĐTM tại các KCN-CCN ở Việt Nam - TS. Phùng Chí Sỹ, Viện Kỹ thuật Nhiệt đới và Bảo vệ Môi trường
14.05 – 14.25	Kinh nghiệm quốc tế trong quản lý môi trường các khu công nghiệp và các gợi ý cho Việt Nam. TS. Nguyễn Bình Giang, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới
14.25 – 14.45	Hỏi đáp
14.45 – 15.00	Nghỉ giữa giờ
15.00 – 15.20	Vai trò của minh bạch thông tin và sự tham gia của cộng đồng trong công tác BVMT - Đại diện PanNature
15.20 – 15.40	Các khó khăn và bài học kinh nghiệm trong điều tra báo chí về chủ đề BVMT và ĐTM các dự án phát triển, Nhà báo Trần Trung Thanh – Báo Pháp luật TP.HCM
15.49 – 16.40	Thảo luận chung: Điều tra báo chí chủ đề ĐTM và BVMT

PHỤ LỤC B: Danh sách đại biểu tham dự

Danh sách khách mời từ cơ quan nhà nước và tổ chức nghiên cứu

STT	Họ và tên	Cơ quan
1	Ông Cao Tiến Sỹ	Phó Trưởng ban Quản lý các khu CN Đồng Nai
2	Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	Phòng Môi trường, Ban quản lý các KCN Đồng Nai
3	Ông Nguyễn Văn Hiếu	Ban Quản lý các KCN Vĩnh Long
4	Ông Lê Phước Thiện	Ban Quản lý các KCN Vĩnh Long
5	Ông Nguyễn Văn Hiếu	Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước
6	Phạm Duy Tân	Công ty Cổ phần Đại Việt
7	Ông An Nam Sơn	Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bình Thuận
8	Ông Đỗ Duy Anh Khoa	Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bình Thuận
9	Bà Vương Thị Mai Thi	Ban quản lý Khu kinh tế Tây Ninh
10	Ông Nguyễn Công Mạnh	TT Công Nghệ và Quản Lý MT-TN, ĐH Nông lâm TP.HCM
11	Bà Lưu Thị Toán	NXB Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam
12	Bà Hồ Ngọc Phương Khanh	Action for Wildlife Organization(AWO)
13	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Phước
14	Ông Nguyễn Hòa Bình	Liên hiệp hội Khoa học Kỹ thuật Đồng Tháp
15	Ông Nguyễn Quang Giải	Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển
16	Bà Phạm Minh Chi	Quỹ Bảo vệ Môi trường TPHCM
17	Ông Nguyễn Tiến Thới	Quỹ Bảo vệ Môi trường TPHCM
18	Bà Kiều Thị Phương Loan	Quỹ Bảo vệ Môi trường TPHCM

19	TS. Lê Bá Toàn	ĐH Nông lâm TP.HCM
20	Ông Ngô Ngọc Thanh	Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai
21	Bà Nguyễn Thị Thịnh	Trung tâm Nghiên cứu Môi trường, Viện KHXH vùng Nam Bộ
22	Bà Võ Dao Chi	Trung tâm Nghiên cứu Môi trường, Viện KHXH vùng Nam Bộ
23	Bùi Châu Trường Thọ	Viện Nghiên cứu Phát triển TPHCM
24	Ông Chu Phạm Đăng quang	Viện Nghiên cứu Phát triển TPHCM
25	Ông Trần Phước Hùng	Sở Tài nguyên và Môi trường Tây Ninh
26	Ông Lâm Văn Sinh	Sở Tài nguyên và Môi trường Tây Ninh
27	Ông Bùi Mạnh Hùng	Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Bình Phước
28	Bà Nguyễn Thị Liễu	Trung tâm Kỹ thuật Quan trắc MT (Quảng Ngãi)
29	Ông Ngô Minh Hùng	Đại học Bách khoa Tp Hồ Chí Minh
30	Ông Nguyễn Văn Thảo	Phòng thẩm Chi Cục bảo vệ Môi trường TP.HCM
31	Bà Tôn Trang Ánh	Viện Nghiên cứu CNSH và MT, ĐH Nông lâm TPHCM
32	Bà Nguyễn Thị Hồng	ĐH Tài nguyên và MT TPHCM
33	GS. Võ Thanh Thu	Đại học Kinh tế TPHCM
34	Ông Nguyễn Văn Hậu	Đoàn Luật sư TPHCM
35	Ông Phùng Chí Sỹ	Viện Kỹ thuật Nhiệt đới và Bảo vệ Môi trường
36	Ông Hoàng Quốc Dũng	Diễn đàn nhà báo môi trường (VFEJ)
37	Ông Nguyễn Bình Giang	Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới
38	Ông Nguyễn Vũ Khải	Viện Khoa học Môi trường và Phát triển (VESDEC)
39	Ông Phạm Anh Đức	Viện Khoa học Môi trường và Phát triển (VESDEC)

40	Ông Đàm Xuân Hưng	Viện Khoa học Môi trường và Phát triển (VESDEC)
41	Ông Trịnh Lê Nguyên	Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature)
42	Ông Nguyễn Việt Dũng	Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature)
43	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature)
44	Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature)
45	Ông Hoàng Văn Chiên	Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature)
46	Đình Quang Toàn	Viện Công nghệ và Khoa học Quản lý MTTN
47	Nguyễn Ngọc Hà	Viện Nghiên cứu CNSH và MT, ĐH Nông lâm TPHCM
48	Lê Văn Hoàng	Công an TPHCM
49	Đoàn Tuấn Dương	Trung tâm Quan Trắc Môi trường
50	Hồ Phương Nhị	Trung tâm Quan Trắc Môi trường
51	Lê Thanh Hải	Viện Môi trường và Tài nguyên
52	Nguyễn Trọng Hiếu	Viện Nghiên cứu Phát triển TPHCM
53	Bùi Thanh Tâm Phương	Chi cục Bảo vệ Môi trường TPHCM
54	Nguyễn Tiến Phát	Hội luật gia TP HCM
55	Trương Kiên Trung	TAF
56	Nguyễn Hữu Tín	Trung tâm Quan Trắc Môi trường

Danh sách khách mời từ cơ quan báo chí

STT	Họ và tên	Cơ quan
-----	-----------	---------

1	Nguyễn Lê	Báo Điện tử Tổ Quốc
2	Huỳnh Quốc Huy	Báo Đời sống & Pháp luật.
3	Quang Minh	Kinh tế Nông thôn
4	Trần Thanh	SGGP 12 giờ
5	Phan Kim Sơn	Báo Sài Gòn Tiếp thị
6	Trần Mạnh	Báo Tuổi trẻ
7	Hồ Quang	Một Thế Giới
8	Nguyễn Thị Vân	Tạp chí STINFO
9	Ngọc Huệ	Tuổi trẻ thủ đô
10	Đỗ Thị Xuân Hương	Việt Nam News
11	Đặng Khoa	Tạp chí Doanh Nghiệp
12	Trần Đáng	Nông thôn Ngày nay
13	Nguyễn Thị Hương Giang	Báo Đồng Nai
14	Lê Tâm Trang	Báo Bình Dương
15	Trần Trung Thanh	Pháp luật TPHCM
16	Võ Ngọc Ánh	Lao động Đồng Nai
17	Trịnh Kiều Oanh	Báo Khoa học và Phát triển
18	Hoàng Anh Tuấn	Thông tấn xã Việt Nam
19	Thu Sương	Báo Người lao động
20	Ngọc Quý	Báo Pháp luật Việt Nam
21	Đỗ Thị Kim Oanh	Thời báo Kinh tế Việt Nam

22	Đặng Quốc Kỳ	Nhà báo và công luận
23	Trung Hiếu	Báo Thanh niên
24	Đặng Loan	Báo Hà Nội mới
25	Phạm Mạnh Tùng	Báo Kinh Tế
26	Đào Thị Thanh Xuân	Đài Tiếng nói TPHCM
27	Nguyễn Thành	Báo Dẫn đàn doanh nghiệp
28	Trường Giang	Le Courier du Vietnam
29	Nguyễn Thắng	VOH
30	Đình Lý	Sài gòn Giải phóng
31	Lê Thị Hoa	Tin Môi trường